TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày 08-5-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc

2. Bà Nguyễn Thị Bình

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thảo Chi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thái Thoại - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 303/2018/TLST- DS, ngày 04/12/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2019/QĐXXST-DS ngày 04/4/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T (tên thường gọi là N), sinh năm 1969, nơi cư trú: số nhà 108, đường số 16, tổ 7, thôn 2A, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Trần Xuân V (tên thường gọi Trần Xuân L), sinh năm 1962, nơi cư trú: số nhà 12, đường số 12, thôn 2B, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Đinh Văn L1, sinh năm 1968 (chồng bà T), nơi cư trú: số nhà 108, đường số 16, tổ 7, thôn 2A, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Bà Vũ Thị T, cư trú tại số nhà 108, đường số 16, tổ 7, thôn 2A, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận (theo giấy ủy quyền lập ngày 18/3/2019).

+ Bà Dương Thị V1, sinh năm 1969 (vợ ông V), nơi cư trú: số nhà 12, đường số 12, thôn 2B, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

+ Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1967, nơi cư trú: tổ 10, thôn Đông Tân, xã Đ, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt bà T. Vắng mặt ông V, ông L1, bà V1 và ông H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/11/2018, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Vũ Thị T và là người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn L1 trình bày: Do quen biết nên ngày 17/11/2017 bà có cho ông Trần Xuân V (tên thường gọi là L) vay số tiền 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi nghìn đồng) để làm vốn kinh doanh và đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 05 tháng, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng. Khi vay ông V có viết cho bà 01 giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017. Sau đó giữa bà, ông V và gia đình ông Nguyễn Thái H có thỏa thuận việc cấn trừ nợ, nghĩa là ông H sẽ nhận trả thay cho ông V số tiền 210.000.000 đồng (có giấy ủy quyền lập ngày 29/5/2018 giữa bà V1, anh Q, chị B và bà T). Vì vậy ông V chỉ còn nợ bà số tiền 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 17/11/2017. Bà đã nhiều lần yêu cầu ông V trả nợ nhưng ông V cứ hứa hẹn mà không thực hiện. Nay, bà yêu cầu vợ chồng ông V phải liên đới trả cho vợ chồng bà số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/11/2017 đến nay với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải ngày 15/3/2019, bị đơn ông Trần Xuân V trình bày: Vào khoảng năm 2017 ông có vay của bà Vũ Thị T số tiền 360.000.000 đồng, lãi suất vay là 2%/tháng. Mục đích vay tiền là để đầu tư đường điện trung thế và hạ thế để phục vụ các hộ dân trong khu vực kéo điện tưới nước cây hồ tiêu. Do giá tiêu hạ thấp nên các hộ dân không đầu tư mua lại đường dây điện của ông nên việc làm ăn gặp khó khăn, từ đó ông không có tiền trả cho bà T.

Trong thời điểm này thì ông Nguyễn Thái H có nợ vợ chồng ông số tiền 210.000.000 đồng. Do đó mà giữa ông với bà T và ông Nguyễn Thái H có thỏa thuận thống nhất là ông H sẽ trả thay cho ông số tiền 210.000.000 đồng cho bà T. Vì vậy ông chỉ còn nợ lại bà T 150.000.000 đồng. Thỏa thuận trả nợ trên là hoàn toàn tự nguyện và các bên đã chấp nhận. Từ lúc vay đến nay ông đã trả được cho bà T 7.000.000 đồng tiền lãi. Nay bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh thì ông đồng ý. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019 và ngày 26/3/2019 có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị V1 khai: Việc bà T khởi kiện yêu cầu bà cùng ông V trả nợ thì bà V1 không đồng ý, bởi việc vay mượn tiền giữa ông V và bà T, bà V1 không biết và bà không ký nhận nợ . Do đó, bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T. Bà V1 thừa nhận, trong cuộc sống thường ngày, ông V là người lo làm ăn, không rượu chè, cờ bạc. Việc ông V đầu tư đường dây điện thì bà có biết, nguồn vốn đầu tư là do ông V đi vay bên ngoài. Đồng thời, bà V1 thừa nhận chữ ký xác lập trên "giấy ủy quyền lập ngày 29/5/2018 giữa bà V1, anh Q với bà Vũ Thị T và chị Nguyễn Thị Thanh B" là chữ ký của bà V1. Ngày 19/3/2019 bà V1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/4/2019 có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái H khai: Vào năm 2017 ông có vay của ông Trần Xuân V số tiền 210.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng. Sau đó giữa ông, ông V và bà T thỏa thuận việc cấn trừ nợ, cụ thể ông không phải trả nợ cho ông V mà thay vào đó ông sẽ phải có nghĩa vụ trả cho bà T số tiền 210.000.000 đồng. Việc thỏa thuận là tự nguyện và ông đã trả cho bà T được 110.000.000 đồng. Nay, ông yêu cầu được tiếp tục thực hiện việc cấn trừ nợ mà các bên đã thỏa thuận. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác. Ngày 08/4/2019 ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh phát biểu quan điểm như sau: Về thủ tục tố tụng thì Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.Về nội dung thì căn cứ vào giấy mượn tiền do ông Trần Xuân V xác lập ngày 17/11/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy rằng: ông V có vay của bà T 360.000.000 đồng. Sau đó, ông V đã cấn trừ nợ qua ông H 210.000.000 đồng và còn nợ lại bà T

150.000.000 đồng. Xét thấy việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Tại phiên tòa, bà T thừa nhận ông V đã trả được 7.000.000 đồng tiền lãi nên cần được chấp nhận. Xét thấy ông V vay tiền là nhằm phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế gia đình nên căn cứ Điều 27, điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì cần buộc vợ chồng ông V trả nợ gốc 150.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật cho vợ chồng bà T là có căn cứ và đúng pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh xác định quan hệ "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền: Căn cứ Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, vắng mặt ông V nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai; vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị V1 và ông Nguyễn Thái H nhưng họ đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[4] Về áp dụng án lệ: Sau khi rà soát các án lệ đã được Chánh án TANDTC công bố thì thấy rằng: nội dung tranh chấp của vụ án này không có những tình tiết, sự kiện tương tự đã được nêu trong các án lệ nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ mà căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án này.

[5] Về nội dung: Xét thấy chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là "giấy mượn tiền đề ngày 17/11/2017 do ông Trần Xuân L xác lập" và giấy ủy quyền lập ngày 29/5/2018, nội dung ủy quyền thanh toán khoản nợ 210.000.000 đồng, được xác lập bởi bà V1, anh Q, chị B và bà T. Quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông V thừa nhận có vay của bà T số tiền

360.000.000 đồng và chữ viết, chữ ký Trần Xuân L trong giấy mượn tiền nêu trên chính là chữ viết của ông V, bởi ngoài tên V ông còn có tên gọi khác là "Trần Xuân L". Ngoài ra, ông V còn thừa nhận đã cấn trừ khoản nợ 210.000.000 đồng do ông Nguyễn Thái H mượn vợ chồng ông sang trả cho bà Vũ Thị T. Như vậy, có căn cứ xác định ngày 17/11/2017 ông V có vay của bà T số tiền 360.000.000 đồng và ngày 29/5/2018, gia đình ông V đã cấn trừ nợ cho ông Nguyễn Thái H 210.000.000 đồng để trả nợ cho bà T. Như vậy có căn cứ xác định, ông Trần Xuân V vẫn còn nợ vợ chồng bà T 150.000.000 đồng tiền gốc.

Xét thấy, việc vay mượn tiền giữa ông V và bà T được diễn ra trong thời kỳ hôn nhân. Ông V mượn tiền nhằm mục đích đầu tư vào đường điện trung thế và hạ thế để bán điện lại cho bà con phục vụ việc tưới tiêu. Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/3/2019 bà V1 thừa nhận có biết việc đầu tư đường điện của ông V. Ngoài ra, bà V1 thừa nhận chữ ký trong "giấy ủy quyền ngày 29/5/2018" đúng là chữ của bà, tức bà V1 có biết việc vay mượn tiền giữa ông V và bà T và đồng ý xác nhận việc cấn trừ nợ từ ông H cho bà T. Xét thấy việc cấn trừ nợ giữa bà T, ông V và ông H là do các bên tự nguyện thỏa thuận, không trái đạo đức xã hội và phù hợp pháp luật nên cần được chấp nhận. Từ đó, căn cứ Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, buộc bà V1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông V để trả số nợ gốc 150.000.000 đồng cho vợ chồng bà T là có căn cứ và đúng pháp luật.

Xét thấy mức lãi suất do bà T và ông V thỏa thuận 2%/tháng là vượt mức quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do đó cần điều chỉnh mức lãi suất thành 20%/năm là đúng quy định. Tiền lãi phát sinh được tính cụ thể như sau:

- Từ ngày 17/11/2017 đến ngày 17/4/2018 là 05 tháng, đây là thời gian tính tiền lãi trên nợ gốc trong hạn, tiền lãi được tính như sau: 150.000.000 đồng x 20%/năm/12 tháng x 05 tháng = 12.500.000 đồng;

- Từ ngày 17/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 08/5/2019 là 01 năm 21 ngày, đây là thời gian tính tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, tiền lãi được tính như sau: (150.000.000 đồng x 30%/năm x 01 năm) + (150.000.000 đồng x 30%/năm/12 tháng/30 ngày x 21 ngày) = 47.625.000 đồng.

Tổng tiền lãi tính đến ngày 08/5/2019 là 60.125.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà T thừa nhận ông V đã trả được 7.000.000 đồng tiền lãi. Do đó cần cấn trừ số tiền đã trả vào số tiền lãi phải trả là đúng quy định. Từ phân tích trên, cần buộc vợ chồng ông V phải trả cho vợ chồng bà T số tiền 203.125.000

đồng, trong đó có 150.000.000 đồng nợ gốc và 53.125.000 đồng nợ lãi là đúng quy định. Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, tức ngày 09/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc ông V và bà V1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là đúng pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 217 và Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357 Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Buộc ông Trần Xuân V (có tên gọi khác là Trần Xuân L) và bà Dương Thị V1 phải trả cho bà Vũ Thị T và ông Đinh Văn L1 số tiền 203.125.000 đồng, gồm 150.000.000 đồng nợ gốc và 53.125.000 đồng nợ lãi, tiền lãi được tính đến ngày 08/5/2019. Kể từ ngày 09/5/2019 cho đến khi thi hành án xong, vợ chồng ông V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Trần Xuân V và bà Dương Thị V1 phải chịu 10.156.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà T số tiền 3.750.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024960 ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày tuyên án (08/5/2019); ông V, bà V1, ông L1, ông H có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./-

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh;*
- *VKSND H.Đức Linh;*
- *Chi cục THA H.Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu./*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh;*
- *VKSND H.Đức Linh;*
- *Chi cục THA H.Đức Linh;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu./*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Phước Hiệu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**